



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 2900765728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 3 tháng 5 năm 2013	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Ngô Quang Danh Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Nguyễn Kim Hòa	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Hoàng Lâm Hòa	Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Hoàng Lâm Hòa	Giám đốc
<b>Trụ sở chính</b>	Số 54, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.	
<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.



Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc

Nghệ An, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 21 tháng 3 năm 2014



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 9 đến trang 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi cần lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 và 2.16 của báo cáo tài chính cho thấy trong niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN ban hành bởi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính vào ngày 3 tháng 12 năm 2013. Cách xử lý này không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được lập khi doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Theo đó, dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã bị ghi nhận thiếu 7.746.825.500 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.275.279.600 đồng Việt Nam).

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 22 tháng 2 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Richard Peters  
Số Giấy chứng nhận  
ĐKHN kiểm toán: 0561-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Đào Duy Hoàng  
Số Giấy chứng nhận  
ĐKHN kiểm toán: 2589-2013-006-1

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam  
Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HAN 1055  
Ngày 21 tháng 3 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>141.596.979.727</b>	<b>98.914.800.663</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>72.797.137.327</b>	<b>43.254.143.636</b>
111	Tiền		5.531.478.656	499.640.190
112	Các khoản tương đương tiền		67.265.658.671	42.754.503.446
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>31.835.567.513</b>	<b>17.604.902.283</b>
131	Phải thu khách hàng	4	25.785.138.645	14.551.927.074
132	Trả trước cho người bán		2.833.529.971	2.426.355.192
135	Các khoản phải thu khác	5	3.216.898.897	626.620.017
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>33.025.779.522</b>	<b>24.836.470.905</b>
141	Hàng tồn kho	6	33.025.779.522	24.836.470.905
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.938.495.365</b>	<b>13.219.283.839</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.955.520.768	1.260.916.833
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	783.027.848	11.230.783.585
158	Tài sản ngắn hạn khác		1.199.946.749	727.583.421
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>73.958.804.331</b>	<b>88.848.637.009</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>39.069.152.578</b>	<b>56.959.139.598</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	38.646.905.978	56.959.139.598
222	Nguyên giá		317.090.424.984	316.975.076.773
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(278.443.519.006)	(260.015.937.175)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	-	-
228	Nguyên giá		122.900.000	122.900.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(122.900.000)	(122.900.000)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8(c)	422.246.600	-
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>34.889.651.753</b>	<b>31.889.497.411</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	34.889.651.753	31.889.497.411
268	Tài sản dài hạn khác			
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>215.555.784.058</b>	<b>187.763.437.672</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>51.559.692.471</b>	<b>45.183.899.243</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>45.083.190.373</b>	<b>35.045.114.441</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	10	900.000.000	3.657.620.435
312	Phải trả người bán	12	6.730.795.945	8.293.379.096
313	Người mua trả tiền trước		22.439.847	520
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	18.626.115.874	251.975.448
315	Phải trả người lao động		5.290.568.317	4.989.543.030
316	Chi phí phải trả	14	432.679.167	1.928.968.780
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	12.076.780.677	15.075.094.994
323	Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.003.810.546	848.532.138
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>6.476.502.098</b>	<b>10.138.784.802</b>
334	Vay và nợ dài hạn	11	-	900.000.000
335	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	6.476.502.098	4.756.222.595
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	4.482.562.207
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>163.996.091.587</b>	<b>142.579.538.429</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>163.958.691.587</b>	<b>142.542.138.429</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17,18	105.000.000.000	105.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	7.390.909.325	7.390.909.325
417	Quỹ đầu tư phát triển	18	13.190.044.002	13.190.044.002
418	Quỹ dự phòng tài chính	18	6.178.200.607	6.178.200.607
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	10.500.000.000	10.500.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	21.699.537.653	282.984.495
<b>430</b>	<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>37.400.000</b>	<b>37.400.000</b>
432	Nguồn kinh phí		37.400.000	37.400.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>215.555.784.058</b>	<b>187.763.437.672</b>

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:

	2013	2012
USD	298.02	311.22
EUR	350.69	626.89

Hồ Anh  
Người lập

Ngô Quang Danh  
Kế toán trưởng

Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 02 – DN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	372.998.040.567	355.090.860.831
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		151.204.818.534	132.951.721.430
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		221.793.222.033	222.139.139.401
11	Giá vốn hàng bán	21	168.677.948.577	175.451.680.402
20	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.115.273.456	46.687.458.999
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.810.549.692	6.834.202.291
22	Chi phí hoạt động tài chính	23	199.095.507	615.069.418
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		152.182.768	421.020.611
24	Chi phí bán hàng	24	15.632.057.937	10.778.060.882
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.568.150.660	17.985.577.713
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.526.519.044	24.142.953.277
31	Thu nhập khác	26	9.584.550.149	13.994.585.754
32	Chi chi khác	26	3.623.133.766	9.640.805.248
40	Thu nhập khác, thuần		5.961.416.383	4.353.780.506
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.487.935.427	28.496.733.783
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(6.705.303.727)	(2.682.015.792)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27	(1.720.279.503)	(4.756.222.595)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.062.352.197	21.058.495.396
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	2.292	2.006

Hồ Anh  
Người lập

Ngô Quang Danh  
Kế toán trưởng

Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – NGHỆ TĨNH

Mẫu số B 03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>32.487.935.427</b>	<b>28.496.733.783</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	18.578.068.647	18.421.658.085
03	Các khoản dự phòng	-	4.126.167.133
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(705.766)	20.108.342
06	Chi phí lãi vay	152.182.768	421.020.611
08	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>51.217.481.076</b>	<b>51.485.687.954</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(4.255.272.821)	5.015.801.917
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(8.189.308.617)	8.079.385.543
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11.010.149.522	(22.682.813.829)
12	Tăng các chi phí trả trước	(3.270.195.126)	(863.401.510)
13	Tiền lãi vay đã trả	(152.182.768)	(421.020.611)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.244.773.959)	(8.967.549.777)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.941.950.000	2.292.330.000
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.560.646.169)	(2.415.368.238)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>44.497.201.138</b>	<b>31.523.051.449</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.112.644.778)	(1.179.208.572)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	116.930.320
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(1.112.644.778)</b>	<b>(1.062.278.252)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	7.720.383.757
34	Chi trả nợ gốc vay	(3.657.620.435)	(12.497.022.236)
36	Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	15 (10.184.648.000)	(28.201.932.800)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(13.842.268.435)</b>	<b>(32.978.571.279)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>29.542.287.925</b>	<b>(2.517.798.082)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>43.254.143.636</b>	<b>45.771.941.718</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá quy đổi	705.766	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>72.797.137.327</b>	<b>43.254.143.636</b>

Hồ Anh  
Người lập

Ngô Quang Danh  
Kế toán trưởng

Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết họp Đại hội cổ đông về việc hợp nhất giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ An và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh ngày 09/09/2006. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 25 tháng 09 năm 2006.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu, nước giải khát;
- Gia công và sản xuất các loại phụ tùng, thiết bị phục vụ cho ngành bia, nước giải khát;
- Lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, cho thuê văn phòng;
- Mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính tại Số 54, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 240 nhân viên. (2012: 235 nhân viên)

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Công ty không lập dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN do Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 3 tháng 12 năm 2013.

Ảnh hưởng của việc áp dụng Công văn này trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là Công ty ghi nhận thiếu khoản dự phòng trợ cấp thôi việc số tiền là 7.746.825.500 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.275.279.600 đồng Việt Nam).

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.8 Đầu tư**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**2.8 Đầu tư (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

- (i) Các khoản đầu tư vào trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn khi những khoản đầu tư này được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có bằng chứng về sự giảm giá trị dài hạn của các chứng khoán hoặc Công ty không thể thu hồi khoản đầu tư.
- (ii) Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

**2.9 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20%
Máy móc, thiết bị	15 - 20%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20 - 33%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**2.11 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.13 Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**2.14 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay

**2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc do áp dụng Công văn số 16709/BTC-TCDN ban hành bởi Cục Tài Chính Doanh Nghiệp trực thuộc Bộ Tài Chính vào ngày 3 tháng 12 năm 2013. Cách xử lý này không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được lập khi doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.

Theo Luật Lao động Việt Nam và Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tại Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

**2.17 Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**2.18 Phân chia lợi nhuận thuần**

**(a) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

**(b) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

**(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Tiền mặt	752.327.267	272.902.981
Tiền gửi ngân hàng	4.779.151.389	226.737.209
Các khoản tương đương tiền (*)	67.265.658.671	42.754.503.446
	<u>72.797.137.327</u>	<u>43.254.143.636</u>

(\*) Khoản mục này bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tính từ ngày gửi.

**4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Phải thu từ bên thứ ba	617.100.145	766.336.024
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	25.168.038.500	13.785.591.050
	<u>25.785.138.645</u>	<u>14.551.927.074</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Phải thu công ty Cổ Phần Vận Tải và giao nhận bia Sài Gòn (Thuyết minh số 15)	3.025.362.288	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	132.036.104
Phải thu khác	191.536.609	494.583.913
	<u>3.216.898.897</u>	<u>626.620.017</u>

**6 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Nguyên vật liệu tồn kho	17.356.852.889	16.552.097.299
Công cụ, dụng cụ trong kho	2.545.407.913	776.198.327
Chi phí SXKD dở dang	12.120.742.008	6.917.716.127
Thành phẩm tồn kho	996.334.830	590.459.152
Hàng gửi đi bán	6.441.882	-
	<u>33.025.779.522</u>	<u>24.836.470.905</u>

**7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
<b>Thuế</b>		
Thuế GTGT nộp thừa (*)	-	324.580.839
Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa (*)	-	5.649.917.010
Thuế TNDN nộp thừa (*)	778.848.166	5.239.377.934
Khác	4.179.682	16.907.802
	<u>783.027.848</u>	<u>11.230.783.585</u>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa phát sinh do chênh lệch giữa số thuế tạm nộp và số thuế thực tế phải nộp sau khi quyết toán năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH****a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Khác	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	28.654.719.571	276.253.640.578	8.184.331.062	3.882.385.562	-	316.975.076.773
Mua trong năm	-	629.080.000	-	28.636.360	32.681.818	690.398.178
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	(352.851.889)	-	(189.516.260)	(32.681.818)	(575.049.947)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	28.654.719.571	276.529.868.689	8.184.331.062	3.721.505.662	-	317.090.424.392
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	(21.037.921.082)	(230.198.406.875)	(6.152.722.486)	(2.626.886.732)	-	(260.015.937.175)
Khấu hao trong năm	(942.080.603)	(16.845.403.470)	(520.017.024)	(270.567.550)	-	(18.578.068.627)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	-	78.090.410	-	72.396.406	-	150.486.826
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	(21.980.001.685)	(246.965.719.935)	(6.672.739.510)	(2.825.057.876)	-	(278.443.519.906)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	7.616.798.489	46.055.233.703	2.031.608.576	1.255.498.830	-	56.959.139.618
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	6.674.717.886	29.564.148.754	1.511.591.552	896.447.786	-	38.646.905.978

(\*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ trong năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 157.145.334.426 đồng (2012: 153.350.039.808 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 4.889.714.747 đồng (năm 2012: 9.386.850.407 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 11).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)**

**b) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy tính  
VNĐ**

**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

122.900.000

Mua trong năm

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

122.900.000

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

122.900.000

Khấu hao trong năm

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

122.900.000

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

-

**c) Xây dựng cơ bản dở dang**

**2013  
VNĐ**

**2012  
VNĐ**

Số dư đầu năm

-

491.189.497

Tăng

422.246.600

-

Chuyển sang tài sản cố định hữu hình

-

(491.189.497)

Số dư cuối năm

422.246.600

-

Xây dựng cơ bản dở dang tăng trong năm 2013 liên quan đến xây dựng quầy giới thiệu sản phẩm bia.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Vỏ chai, két, bao bì chờ phân bổ	34.221.428.614	30.315.825.417
Chi phí sửa chữa	106.368.785	449.963.291
Chi phí trả trước dài hạn khác	561.854.354	1.123.708.703
	<u>34.889.651.753</u>	<u>31.889.497.411</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	31.889.497.411	27.831.081.723
Mua trong năm	9.054.392.776	9.275.032.718
Nhượng bán (Thuyết minh số 26)	(1.707.116.462)	(1.121.884.426)
Phân bổ trong năm	(4.347.121.972)	(4.094.732.604)
	<u>34.889.651.753</u>	<u>31.889.497.411</u>

**10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Vay ngân hàng	-	2.657.620.435
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 11)	900.000.000	1.000.000.000
	<u>900.000.000</u>	<u>3.657.620.435</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**11 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng (*)	900.000.000	1.900.000.000
	<u>900.000.000</u>	<u>1.900.000.000</u>
	<u>900.000.000</u>	<u>1.900.000.000</u>
Trừ: Các khoản vay đáo hạn trong vòng 1 năm	(900.000.000)	(1.000.000.000)
	<u>-</u>	<u>900.000.000</u>
	<u>-</u>	<u>900.000.000</u>

(\*) Khoản vay từ "Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam" với số dư 900.000.000 đồng (năm 2012: 1.900.000.000 đồng) theo hợp đồng tín dụng dài hạn ngày 29/4/2009 số 05-09/TD-QMT/BSGNT. Tổng số tiền vay là 4.900.000.000 đồng. Khoản vay nhằm mục đích thực hiện dự án "Khảo sát thiết kế, cung cấp thiết bị và xây lắp hệ thống xử lý nước thải công suất 2200 m<sup>3</sup> nước thải/ ngày đêm và hệ thống xử lý khí lò hơi, kết nối với các hệ thống hiện hữu khác". Khoản vay có thời hạn 60 tháng tính từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến thời điểm cam kết trả hết nợ. Khoản vay được hoàn trả thành 20 lần thanh toán theo thời hạn 3 tháng 1 lần (đối với lãi vay) và 6 tháng 1 lần (đối với dư nợ gốc) từ năm 2009 tới 2014. Khoản vay có lãi suất bằng 5.4%/năm, lãi được tính từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay nhận khoản vay đầu tiên của hợp đồng này. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là hệ thống tank lên men 165m<sup>3</sup> theo biên bản xác định tài sản thế chấp và định giá tài sản thế chấp ngày 29/4/2009. Giá trị còn lại của hệ thống này tại thời điểm cuối năm là 4.889.714.747 đồng (Thuyết minh số 8)

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải trả từ bên thứ ba	4.704.388.130	2.615.681.847
Phải trả từ bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	2.026.407.815	5.677.697.249
	<u>6.730.795.945</u>	<u>8.293.379.096</u>
	<u>6.730.795.945</u>	<u>8.293.379.096</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>Thuế</b>		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.470.195.286	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.106.447.306	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	112.453.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	-
Thuế TNCN	49.473.282	139.521.980
	<u>18.626.115.874</u>	<u>251.975.448</u>

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	105.433.866	-
Chi phí thuê	200.351.722	-
Chi phí phải trả Thương Mại 1 Thành Viên	-	1.928.968.780
Khác	126.893.579	-
	<u>432.679.167</u>	<u>1.928.968.780</u>

15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Kinh phí công đoàn	27.948.126	129.043.534
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Cổ tức phải trả	1.265.935.535	11.450.583.535
Tài sản thiếu chờ xử lý	145.928.896	145.928.896
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp	384.985.644	53.558.035
Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Hưng Thịnh (*)	6.748.743.857	-
Đặt cọc bao bì luân chuyển từ khách hàng	2.288.134.276	1.917.905.445
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.195.104.343	1.358.075.549
	<u>12.076.780.677</u>	<u>15.075.094.994</u>

(\*) Trong năm Sabeco Nghệ Tĩnh phát sinh nghiệp vụ chi hộ, thu hộ liên quan đến phí vận chuyển. Công ty trả phí vận chuyển cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Hưng Thịnh, sau đó thu lại từ Công ty Cổ Phần Vận Tải và giao nhận bia Sài Gòn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

Số liệu bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Phải trả sau 12 tháng	6.476.502.098	4.756.222.595
- Phải trả trong 12 tháng	-	-
	<u>6.476.502.098</u>	<u>4.756.222.595</u>

Biến động gộp của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	4.756.222.595	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.720.279.503	4.756.222.595
Số dư cuối năm	<u>6.476.502.098</u>	<u>4.756.222.595</u>

**17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2013 <u>Cổ phiếu phổ thông</u>	2012 <u>Cổ phiếu phổ thông</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>10.500.000</u>	<u>10.500.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.500.000	10.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>10.500.000</u>	<u>10.500.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2013		2012	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu NGK Sài Gòn	53.550.000.000	51%	53.550.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	51.450.000.000	49%	51.450.000.000	49%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	105.000.000.000	100%	105.000.000.000	100%

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	10.500.000	105.000.000.000	105.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
	VNĐ		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	105.000.000.000	7.390.909.325	-	13.190.044.002	6.178.200.607	10.500.000.000	142.259.153.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.058.495.396	-	-	-	21.058.495.396
Trích cổ tức	-	-	(18.350.000.000)	-	-	-	(18.350.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(500.000.000)	-	-	-	(500.000.000)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	(1.800.000.000)	-	-	-	(1.800.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	(125.510.901)	-	-	-	(125.510.901)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	105.000.000.000	7.390.909.325	282.984.495	13.190.044.002	6.178.200.607	10.500.000.000	142.542.138.429
Lợi nhuận trong năm	-	-	24.062.352.197	-	-	-	24.062.352.197
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(1.420.000.000)	-	-	-	(1.420.000.000)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	(1.225.799.039)	-	-	-	(1.225.799.039)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	105.000.000.000	7.390.909.325	21.699.537.653	13.190.044.002	6.178.200.607	10.500.000.000	163.958.691.587

(\*) Giảm khác trong năm 2012 liên quan đến việc doanh nghiệp sử dụng lợi nhuận trong năm để chia thưởng cho cán bộ công nhân viên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
**19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.062.352.197	21.058.495.396
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	24.062.352.197	21.058.495.396
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	10.500.000	10.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>2.292</u>	<u>2.006</u>

**20 DOANH THU**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
Doanh thu bia	372.998.040.567	355.090.860.831
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	151.204.818.534	132.951.721.430
	<u>151.204.818.534</u>	<u>132.951.721.430</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>221.793.222.033</u>	<u>222.139.139.401</u>

**21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Sản phẩm Bia	168.677.948.577	175.451.680.402

**22 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.809.843.926	6.834.202.291
Lãi thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	705.766	-
	<u>3.810.549.692</u>	<u>6.834.202.291</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	152.182.768	421.020.611
Lỗ thuần chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.912.739	173.940.465
Lỗ thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	20.108.342
	<u>199.095.507</u>	<u>615.069.418</u>

**24 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Lương nhân viên bán hàng	4.075.251.810	3.484.985.177
Chi phí vật liệu	1.798.767.665	748.107.743
Chi phí dụng cụ, đồ dùng (bao gồm phân bổ chai kết)	162.590.909	86.412.059
Chi phí khấu hao TSCĐ	351.905.444	96.046.668
Dịch vụ mua ngoài	3.685.296.758	603.079.407
Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới	3.031.630.770	2.352.657.566
Chi phí khác	2.526.614.581	3.406.772.262
	<u>15.632.057.937</u>	<u>10.778.060.882</u>

**25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Lương nhân viên quản lý	4.960.137.062	8.946.213.927
Chi phí vật liệu văn phòng	647.163.820	316.355.481
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	128.394.696	230.242.060
Chi phí khấu hao TSCĐ	479.361.739	260.812.427
Thuế và lệ phí	1.464.676.981	1.773.905.709
Dịch vụ mua ngoài	3.492.731.944	1.739.664.370
Chi phí khác	3.395.684.418	4.718.383.739
	<u>14.568.150.660</u>	<u>17.985.577.713</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**26 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán bao bì luân chuyển (Thuyết minh số 9)	1.716.210.873	1.940.824.512
Thu nhập từ nhượng bán vật tư khác	7.551.930.945	6.723.408.724
Thu nhập khác	316.408.331	5.330.352.518
	<u>9.584.550.149</u>	<u>13.994.585.754</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí từ thanh lý, nhượng bán bao bì luân chuyển (Thuyết minh số 9)	1.707.116.462	1.121.884.426
Chi từ thanh lý, nhượng bán vật tư khác	1.649.650.248	2.474.369.081
Chi phí khác	266.367.056	6.044.551.741
	<u>3.623.133.766</u>	<u>9.640.805.248</u>
<b>Thu nhập khác – Số thuần</b>	<u><u>5.961.416.383</u></u>	<u><u>4.353.780.506</u></u>

**27 THUẾ**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% quy định trong Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty và được thể hiện như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	32.487.935.427	28.496.733.783
Thuế tính ở thuế suất 25%	8.121.983.856	7.124.183.445
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	303.599.374	314.054.942
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>8.425.583.230</u>	<u>7.438.238.387</u>
Thuế thu nhập – hiện hành	6.705.303.727	2.682.015.792
Thuế thu nhập – hoãn lại	1.720.279.503	4.756.222.595
	<u><u>8.425.583.230</u></u>	<u><u>7.438.238.387</u></u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**28 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.577.307.046	144.581.900.293
Chi phí nhân công	29.118.049.465	33.135.499.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.578.068.647	18.421.658.085
Các chi phí khác bằng tiền	24.756.935.675	23.015.310.165
	<u>216.030.360.833</u>	<u>219.154.368.222</u>

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

**(i) Rủi ro tiền tệ**

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô La Mỹ ("USD") và Euro ("EUR").

Rủi ro tỷ giá đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	<b>Ngoại tệ gốc USD</b>		<b>Quy đổi sang VNĐ</b>	
	<b>2013</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2012</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	298.02	311.22	6.283.752	6.482.090
<b>Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần</b>	<u>298.02</u>	<u>311.22</u>	<u>6.283.752</u>	<u>6.482.090</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu Đồng Việt Nam mạnh lên/yếu đi 5% so với USD trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 314.188 VNĐ (năm 2012: 324.105 VNĐ) chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc USD.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**(a) Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

*(ii) Rủi ro tiền tệ (Tiếp theo)*

Rủi ro tỷ giá Euro của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc EUR		Quy đổi sang VNĐ	
	2013	2012	2013	2012
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	350.69	626.89	10.124.420	17.154.845
<b>Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần</b>	<u>350.69</u>	<u>626.89</u>	<u>10.124.420</u>	<u>17.154.845</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu Đồng Việt Nam mạnh lên/yếu đi 5% so với EUR trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 506.221 đồng (năm 2012: 857.742 đồng) chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc EUR.

*(iii) Rủi ro về giá*

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro về giá của hàng hóa.

*(iv) Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu lãi suất Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (ước tính % thay đổi lãi suất) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 45.000.000 đồng (2012: 227.881.022 đồng) do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phải- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Các khoản vay và nợ	900.000.000		
Phải trả khách hàng	6.730.795.945	-	-
Người mua đặt tiền trước	22.439.847	-	-
Chi phí phải trả	432.679.167	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12.076.780.677	-	-
	<u>20.162.695.636</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Các khoản vay và nợ	3.657.620.435	900.000.000	-
Phải trả khách hàng	8.293.379.096	-	-
Người mua đặt tiền trước	520	-	-
Chi phí phải trả	1.928.968.780	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.075.094.994	-	-
	<u>28.955.063.825</u>	<u>900.000.000</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn do chiếm 51% vốn cổ phần của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

***i) Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ***

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	167.601.386	181.676.550
Công ty TNHH một thành viên thương mại bia Sài Gòn	270.892.968.160	292.463.114.151
Công ty cổ phần Bia rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	1.967.091.797	-
Công ty cổ phần Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	22.119.330.374	-
	<u>295.146.991.718</u>	<u>292.644.790.701</u>

***ii) Mua hàng hóa và dịch vụ***

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	59.306.704.963	59.402.323.082
Công ty cổ phần Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	3.195.551.399	132.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	213.667.416	1.928.968.780
Chi nhánh CôngTy CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Phú Yên	9.218.177	-
Công ty TNHH 1 Thành viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	48.160.000	289.530.562
Công ty cổ phần bia Sài Gòn - Hà Nội	-	1.052.150.000
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	609.912.693	-
	<u>63.383.214.648</u>	<u>62.804.972.424</u>

***iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt***

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>1.602.293.650</u>	<u>1.267.493.400</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

**b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	-	181.676.550
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	25.168.038.500	13.603.914.500
	<u>25.168.038.500</u>	<u>13.785.591.050</u>
	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 12)</b>		
Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	1.662.977.976	5.497.480.641
Công ty cổ phần Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	127.700	132.000.000
Công ty cổ phần Vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	47.291.608	47.291.608
Công ty cổ phần Bia rượu Sài Gòn - Sông Lam	316.010.531	-
Công ty cổ phần vận tải & giao nhận Bia Sài Gòn SABETRAN-Miền Bắc	-	925.000
	<u>2.026.407.815</u>	<u>5.677.697.249</u>
	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	1.928.968.780
	<u>-</u>	<u>1.928.968.780</u>

**31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Dưới 1 năm	1.635.307.960	1.635.307.960
Từ 1 đến 5 năm	6.541.231.840	6.541.231.840
Trên 5 năm	6.582.114.539	8.176.539.800
	<u>14.758.654.339</u>	<u>16.353.079.600</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 21 tháng 3 năm 2014

\_\_\_\_\_  
Hồ Anh  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Ngô Quang Danh  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Hoàng Lâm Hòa  
Giám đốc

